

Số: 88/NQ-HĐND

Gio Linh, ngày 16 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn,
chi ngân sách địa phương năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Xét Báo cáo số 428/BC-UBND ngày 07/12/2022 của UBND huyện Gio Linh về tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2022, dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến các đại biểu HĐND huyện tham gia tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 120.000.000.000 đồng

2. Thu ngân sách địa phương: 456.006.000.000 đồng

Trong đó:

- Thu NSDP hưởng theo phân cấp: 115.000.000.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên: 320.647.000.000 đồng

- Thu bổ sung có mục tiêu: 20.359.000.000 đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương: 456.006.000.000 đồng

(Phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương năm 2023.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Gio Linh khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

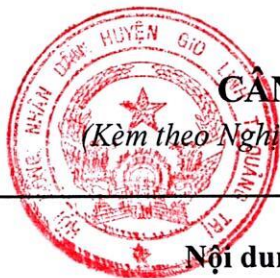
Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính Q.Trị (b/c);
- Sở Kế hoạch và ĐT Q.Trị (b/c);
- BTV Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các ĐB HĐND huyện;
- Các phòng ban liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Giảng



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Gio Linh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	450.327,0	644.350,0	456.006,0	(188.344)	70,8
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	86.750,0	121.896,4	115.000,0	(6.896)	94,3
-	Thu NSDP hưởng 100%	6.070,0	16.952,4	9.431,0	(7.521)	55,6
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	80.680,0	104.944,0	105.569,0	625	100,6
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	363.577,0	442.670,5	341.006,0	(101.664)	77,0
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	349.230,0	349.230,0	320.647,0	(28.583)	91,8
2	Thu bổ sung có mục tiêu	14.347,0	93.440,5	20.359,0	(73.081)	21,8
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư		1.937,2		(1.937)	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		77.846,0		(77.846)	
VI	Thu từ NS cấp dưới nộp lên		-		-	
B	TỔNG CHI NSDP	450.327,0	643.800,0	456.006,0	5.679	101,3
I	Tổng chi cân đối NSDP	435.980,0	441.045,1	435.647,0	(333)	99,9
1	Chi đầu tư phát triển (1)	57.027,0	55.984,7	52.732,0	(4.295)	92,5
2	Chi thường xuyên	370.708,0	385.060,4	374.582,0	3.874	101,0
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)				-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)				-	
5	Dự phòng ngân sách	8.245,0	-	8.333,0	88	101,1
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	14.347,0	90.355,5	20.359,0	6.012	141,9
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		48.538,3		-	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	14.347,0	41.817,2	20.359,0	6.012	141,9
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		110.000,0		-	
IV	Chi nộp ngân sách cấp trên		2.399,4		-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)				-	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)				-	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh				-	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)				-	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Gio Linh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	153.297	121.896	120.000	115.000	78,3	94,3
I	Thu nội địa	153.297	121.896	120.000	115.000	78,3	94,3
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	5	2				
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	6.295	598				
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	13.417	13.317	30.000	30.000	223,6	225,3
	- Thuế giá trị gia tăng	12.500	12.410	28.650	28.650	229,2	230,9
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	870	860	1.300	1.300	149,4	151,2
	- Thuế tài nguyên	33	33	50	50	151,5	151,5
	- Tiêu thụ đặc biệt + thu khác	14	14			-	-
5	Thuế thu nhập cá nhân	10.200	10.200	10.730	10.730	105,2	105,2
6	Thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	26.200	26.200	21.500	21.500	82,1	82,1
8	Thu phí, lệ phí	1.500	800	1.731	981	115,4	122,6
9	Lệ phí môn bài	620	617	569	569	91,8	92,2
10	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	110	110	20	20	18,2	18,2
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	29.200	11.200	4.800	4.800	16,4	42,9
13	Thu tiền sử dụng đất	56.000	53.200	45.000	42.750	80,4	80,4
14	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	150	150				
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.000	700			-	
16	Thu khác ngân sách	4.400	1.802	4.500	2.500	102,3	138,7
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.400	1.400	1.150	1.150	82,1	82,1
18	Thu huy động đóng góp	1.600	1.600			-	-
19	Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN	1.200					
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của HĐND huyện Gio Linh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	450.327,0	456.006,0	5.679,0	101,3
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	435.980,0	435.647,0	(333,0)	99,9
I	Chi đầu tư phát triển (1)	57.027,0	52.732,0	(4.295,0)	92,5
1	Chi đầu tư cho các dự án	57.027,0	52.732,0	(4.295,0)	92,5
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			-	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.098,0	6.585,0	(1.513,0)	
-	Chi khoa học và công nghệ			-	
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			-	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	47.500,0	42.750,0	(4.750,0)	90,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-	
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	370.708,0	374.582,0	3.874,0	101,0
	<i>Trong đó:</i>			-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	215.743,0	209.027,7	(6.715,3)	96,9
2	Chi khoa học và công nghệ (2)			-	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			-	
V	Dự phòng ngân sách	8.245,0	8.333,0	88,0	101,1
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	14.347,0	20.359,0	6.012,0	141,9
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	14.347,0	20.359,0	6.012,0	141,9
1	Kinh phí phục vụ cho vận hành hệ thống TABMIS	200,0	200,0		
2	Hỗ trợ mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, các xã, phường, thị trấn	255,0	200,0		
3	Hỗ trợ tổ chức ra quân khai thác hải sản vụ Nam		150,0		
4	Hỗ trợ tiền điện chiếu sáng khu dịch vụ du lịch Cửa Việt	200,0	200,0		
5	Kinh phí tiền lương, chi khác cán bộ công chức xã dôi dư	797,0	1.731,0		
6	Chế độ chính sách đối với công an viên thôn theo Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của HĐND tỉnh	2.317,0	2.317,0		

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
7	Hỗ trợ công tác chính trang đô thị, kiến thiết thị chính	3.065,0	5.080,0		
8	Hỗ trợ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành tài chính - ngân sách	833,0			
9	Phần mềm Quản lý ngân sách		1.220,0		
10	Quản lý và tra soát hóa đơn đầu vào - chứng từ dịch vụ công		473,0		
11	Phần mềm Kế toán và Quản lý tài sản cấp xã		95,2		
12	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh		1.324,5		
13	Hỗ trợ công tác khuyến nông và thú y trên địa bàn tỉnh		699,0		
14	Hỗ trợ tăng thêm kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn (3 triệu đồng/tổ chức chính trị - xã hội)		255,0		
15	Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục		150,0		
16	Xin hỗ trợ kinh phí khắc phục khẩn cấp CT Kênh tưới vùng ruộng Quan của HTX Lan Đình - Địa điểm XD: thôn Lan Đình, xã Phong Bình, huyện Gio Linh		500,0		
17	Hỗ trợ kinh phí đầu tư sửa chữa nâng cấp CT: Trường mầm non Trung Hải (cụm Xuân Hòa)		500,0		
18	Đại hội Nông dân		250,0		
19	Hỗ trợ tổ chức Lễ kỷ niệm giải phóng, tái lập	1.105,0			
20	Diễn tập KVPT	1.000,0			
21	Đại hội Cựu chiến binh huyện	215,0			
22	Đại hội Đoàn TNCS HCM	215,0			
23	Hỗ trợ hoạt động Đảng theo Quyết định 99-QĐ/TW	360,0	362,3		
24	Hỗ trợ hoạt động xã sáp nhập; xã có CB tăng cường	60,0	150,0		
25	Hỗ trợ địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng khác do không cân đối đủ nguồn	3.725,0	4.502,0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		-	